TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2025/HS-ST
Ngày 15 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Kim Yến

2/ Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh Thư- cán bộ TAND thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện VKS nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 282/2025/HSST ngày 23 tháng 4 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 277/2025/ QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lưu Thủy Th, sinh năm 1987; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Tổ s, khu phố b , phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện nay: Tổ s, khu phố b, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ trước khi phạm tội: Không.

Con ông: C (đã chết) và bà X, sinh năm 1954 (còn sống). Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 6. Có vợ là Q, sinh năm 1997; bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 19/8/2024. Hiện đang bị tạm giam tại phân trại tạm giam khu vực B(có mặt).

Bị hại: Chị P, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Tổ s, khu phố b, phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 15/8/2024, T mang theo 01 (một) con dao Thái Lan dài 20cm, cán vàng đi bộ đến tiệm cắt tóc "H" do chị P làm chủ, để gội đầu. Trong quá trình gội đầu, do cần tiền tiêu xài và thấy trong tiệm chỉ có một mình chị P nên T nảy sinh ý định cướp tài sản.

Sau khi gội đầu xong, T lấy con dao nêu trên đi đến phía sau và kề dao vào cổ của chị P đe dọa chị P uy hiếp không được kêu la và phải đưa tiền cho T nếu không làm theo thì T sẽ đâm chị P. T tra hỏi chị P về nơi cất giấu tiền. Do sợ hãi sẽ bị T dùng dao đâm nên chị P nói cho T biết nơi cất giấu tiền ở trong cốp xe môtô của chị P. T kề dao vào cổ chị P và ép buộc chị P đi đến xe mô tô. T chuyển dao dí vào hông của chị P và buộc chị P mở khoá cốp xe lấy số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đưa cho T. Sau đó T khống chế buộc chị P ngồi im dưới nệm và đi đến mở ngăn kéo bàn trang điểm trong tiệm chiếm đoạt số tiền 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng) của chị P. T tiếp tục tra hỏi chị P về nơi cất giấu tiền khác và tiếp tục yêu cầu chị P đi cùng T vào trong phòng ngủ của chị P lục tìm tiền. Sau khi lục tìm trong phòng ngủ của chị P nhưng không có tiền thì T tiếp tục cầm dao tra hỏi chị P về tiền trong tài khoản ngân hàng và buộc chị P phải bật tra soát số tiền trong tài khoản ngân hàng của chị P cho T xem. Khi nhìn thấy trong tài khoản ngân hàng Agribank của chị P có 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) thì T lấy điện thoại của chị P và tự thao tác chuyển sang số tài khoản 107874347399, ngân hàng Viettinbank mang tên T số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) rồi yêu cầu chị P xoá thông tin giao dịch trên áp chuyển tiền. Sau khi chiếm đoạt tiền của chị P, T tiếp tục yêu cầu chị P đưa chìa khoá xe mô tô biển số 21B2-286.47 của chị P để T đi và yêu cầu chị P ngồi yên trong phòng ngủ. T chốt khoá cửa phòng ngủ và cầm điện thoại của chị P để bên ngoài phòng ngủ để không cho chị P ra ngoài và sử dụng điện thoại báo công an. Sau đó T điều khiển xe mô tô nêu trên đến tiệm cầm đồ "D" tại đường m, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Nai. T sử dụng số tiền 3.550.000đ (Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) gồm chuyển khoản 3.000.000đ (Ba triệu đồng) và trả 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền mặt cho anh D là chủ tiệm cầm đồ để chuộc xe môtô Wave màu đỏ (không rõ biển số) của người bạn tên Nhiên mà T đã cầm trước đó. Sau đó T trả xe mô tô Wave cho Nhiên và điều khiển xe mô tô 21B2- 286.47 về lại tiệm gội đầu "H" trả lại xe môtô cho chị P. T đe doạ chị P không được báo Công an nếu chị P báo Công an thì T sẽ cho người đến trả thù, rồi T tiếp tục bắt chị P đi vào trong phòng ngủ đóng cửa

lại. Sau khi T bỏ đi, chị P ra khỏi phòng và trình báo Công an phường D lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý.

Đến ngày 19/8/2024, T bị bắt giữ. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà, T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu trắng, số Imei: 353812087848280 là tài sản của T, sử dụng vào việc phạm tội. 01 (một) USB bên trong có 04 (bốn) đoạn video hình ảnh ghi lại nội dung vụ việc, được lưu giữ trong hồ sơ**.**

- Số tiền 3.550.000đ (Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) do anh D chủ tiệm cầm đồ "Tiến Dũng" giao nộp lại cho Cơ quan Công an để phục vụ điều tra. Quá trình điều tra gia đình T đã tự nguyện khắc phục số tiền mà T đã chiếm đoạt của chị P và chị P không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại số tiền trên cho anh Dũng.

- Đối với 01 (một) con dao Thái Lan dài 20cm, cán vàng sau khi gây án trên đường về T đã vứt con dao ở bãi đất trống thuộc Khu công nghiệp Thạnh Phú thuộc ấp m, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình T đã bồi thường cho chị P số tiền 6.850.000đ (Sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), chị P không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại Cáo trạng số 294/CT-VKSBH ngày 17/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố bị cáo T về tội "Cướp tài sản", theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo T về tội danh, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo T mức án từ 07(bảy) năm 06(sáu) tháng đến 08(tám) năm tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay là thống nhất, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ.

Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Khoảng 12 giờ 20 phút, ngày 15/8/2024, tại tiệm cắt tóc "H" địa chỉ tổ 6, khu phố 3, phường D, thành phố B, T đã có hành vi sử dụng 01 (một) con dao Thái Lan dài 20cm, cán màu vàng để khống chế uy hiếp chiếm đoạt của chị P số tiền 6.850.000đ (Sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) thì bị khởi tố để điều tra, xử lý.

Từ những phân tích trên, xét thấy Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo T về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự là đúng căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

T đã có hành vi sử dụng 01 (một) con dao Thái Lan dài 20cm, cán màu vàng để khống chế uy hiếp chiếm đoạt của chị P số tiền 6.850.000₫ (Sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng). Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không có tiền án, tiền sự; được bị hại làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, sau khi xem xét đặc điểm

nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt tù bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu trắng, số Imei: 353812087848280 là tài sản của bị cáo do bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 (một) USB bên trong có 04 (bốn) đoạn video hình ảnh ghi lại nội dung vụ việc, tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Số tiền 3.550.000đ (Ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) do anh D chủ tiệm cầm đồ "Tiến Dũng" giao nộp lại cho Cơ quan Công an để phục vụ điều tra. Quá trình điều tra gia đình T đã tự nguyện khắc phục số tiền mà T đã chiếm đoạt của chị P và chị P không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại số tiền trên cho anh D là phù hợp.

- Đối với 01 (một) con dao Thái Lan dài 20cm, cán vàng sau khi gây án trên đường về T đã vứt con dao ở bãi đất trống thuộc Khu công nghiệp Thạnh Phú thuộc ấp m, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên không đặt ra xem xét.

[6]Về trách nhiệm dân sự: Gia đình T đã bồi thường cho chị P số tiền 6.850.000đ (Sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), chị P không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo T phạm tội "Cướp tài sản"

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo T 07(bảy) năm 06(sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/8/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu sung công quỹ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu trắng, số Imei: 353812087848280 là tài sản của T, sử dụng vào việc phạm tội.

(Tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

3. Về án phí: - Áp dụng điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. B;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. B;
- Trại tạm giam công an tỉnh Đồng Nai.
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phú

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: **16/2017/HS-ST**).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)